

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST

Ngày: 17/02/2022

V/v tranh chấp “*Hợp đồng dân sự vay tài sản và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp “*Hợp đồng dân sự vay tài sản và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị C (Bích C), sinh năm 1976; địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt).
2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn B, sinh năm 1955; địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt).
3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Vũ Thị C trình bày:

Do chỗ quen biết, vào ngày 20/3/2016 âm lịch bà có cho ông Trần Văn B vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không xác định thời hạn trả, mục đích ông B vay làm vốn mua bán. Việc vay tiền này ông B có đưa bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02998QSDĐ ngày 29/12/1999, diện tích 380m² do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông B. Mục đích ông B đưa bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin, khi nào ông B trả tiền cho bà, bà trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà không quản lý, sử dụng phần diện tích đất 380m². Sau đó, vào ngày 21/3/2016 âm lịch bà tiếp tục cho ông B vay 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không xác định thời hạn trả, mục đích ông B vay làm vốn mua bán. Việc vay có làm biên nhận, biên nhận do bà viết, ông B có ký tên (ghi chữ B ở cuối biên nhận). Sau khi vay ông B không trả lãi và trả vốn cho bà. Vào ngày 10/3/2020, bà có yêu cầu ông B trả cho bà số tiền 25.000.000 đồng, nhưng ông B không trả. Nay yêu cầu ông B trả cho bà số tiền 25.000.000 đồng. Rút lại yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 21/3/2016 cho đến khi Tòa án xét xử xong. Đối với bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi nào ông B trả tiền cho bà, bà sẽ trả cho ông B. Việc bà giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B bà không đăng ký thủ tục Thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại tờ tự khai và các biên bản hòa giải, bị đơn ông Trần Văn B trình bày: Ông với bà Vũ Thị C (Bích C), chỉ quen biết ở xóm, không có bà con quan hệ thân thích. Bà C cho rằng ông vay của bà C 02 khoản tiền như sau: khoản thứ nhất: 15.000.000 đồng vào ngày 20/3/2016, khoản thứ hai: 10.000.000 đồng vào ngày 21/3/2016, tổng cộng là 25.000.000 đồng là không đúng. Từ trước đến nay, ông với bà C không có quan hệ làm ăn hay bất cứ quan hệ giao dịch gì với nhau. Do đó, ông không đồng ý theo yêu cầu của bà C, vì ông không có vay tiền của bà C. Biên nhận nợ do bà C cung cấp cho Tòa án ông không viết và không ký tên. Chữ ký tên “B” trong biên nhận nợ không phải của ông, không phải do ông ký. Ông không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký trong biên nhận nợ do bà C cung cấp và xác định không cung cấp tài liệu, chứng cứ có chữ viết, chữ ký tên “B” từ năm 2016 đến nay để làm tài liệu giám định.

Đối với bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02998QSDĐ ngày 29/12/1999 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông, ông đã báo mất từ năm 2014. Ông không thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02998QSDĐ ngày 29/12/1999 cho bà C. Còn việc bà C đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là do con ông tên Được nợ bà C 25.000.000 đồng có lấy giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên đem thế chấp cho bà C. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên Tòa, bị đơn ông B giữ nguyên ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Được trình bày: Ông là con của ông B, bà C chỉ quen biết. Ông không mâu thuẫn với những người này. Hiện nay, ông không có vay tiền của bà C và ông không giao cho bà C bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02998/QSDĐ ngày 29/12/1999 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho cha ông (ông B) để vay tiền. Ông không biết việc vay tiền giữa bà C và cha của ông. Nay ông không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Tại phiên Tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Được giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Do quen biết, bà Vũ Thị C có cho ông Trần Văn B vay 02 lần với tổng số tiền 25.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 20/3/2016, 15.000.000 đồng và ngày 21/3/2016, 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không xác định thời hạn trả, mục đích vay làm vốn mua bán, có làm biên nhận nợ và ký tên. Ông B có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02998/cB ngày 29/12/1999, diện tích 380m² do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông B. Sau khi vay ông B không trả lãi và vốn cho bà. Nay yêu cầu ông B trả số tiền 25.000.0000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 21/3/2016 cho đến khi Tòa án xét xử. Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02998/cB ngày 29/12/1999 bà C đang giữ thì khi nào ông B trả tiền sẽ giao lại.

Phía ông B xác định: Không vay tiền của bà C và cũng không có ký tên vào biên nhận nợ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02998/cB ngày 29/12/1999 ông bị mất năm 2014 do con ông là Trần Văn Được đã đưa cho bà C. Phía ông Được không thừa nhận việc giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như ông B trình bày và cũng không biết việc vay tiền giữa ông B và bà C. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông B không yêu cầu giám định chữ ký trong biên nhận nợ.

Xét thấy, căn cứ bà C khởi kiện là biên nhận nợ ngày 21/3/2016, trong đó thể hiện ông B vay 02 lần với tổng số tiền 25.000.000 đồng, kèm theo biên nhận nợ là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02998/cB, ngày 19/12/1999 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông B. Tại biên bản đối chất ngày 28/6/2021, ông B không thừa nhận việc vay của bà C 25.000.000 đồng và cho rằng người vay tiền là ông Được, chính ông Được đã lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho bà C, phía ông Được phản bác lại lời trình bày của ông B và ông B không cung cấp chứng

cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, tại biên bản ghi lời khai ngày 25/5/2021, ông B thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ bà C cung cấp nên việc bà C khởi kiện là có cơ sở. Tại phiên tòa, bà C tự nguyện rút lại yêu cầu tính lãi suất nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này.

Riêng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02998/cB ngày 29/12/1999 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông B, bà C cho rằng ông B giao cho bà để làm tin khi vay tiền. Xét thấy, việc thế chấp giữa hai bên không tuân thủ việc đăng ký thế chấp theo quy định tại Điều 298 Bộ luật dân sự và Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP, ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm nên cần tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất vô hiệu và buộc bà C giao trả cho ông B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 122, 131, 298, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị:

- Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà Vũ Thị C với ông Trần Văn B.
- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C.
- Buộc ông Trần Văn B trả cho bà Vũ Thị C 25.000.000 đồng.
- Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 21/3/2016 giữa ông Trần Văn B và bà Vũ Thị C vô hiệu.
- Buộc bà Vũ Thị C giao trả ông Trần Văn B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02998/cB ngày 29/12/1999 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông B.
- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Vũ Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện ông Trần Văn B. Ông B có nơi cư trú tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay và có yêu cầu đối với bản chính Giấy quyền sử dụng đất của bị đơn. Do vậy, vụ án được xác định là tranh chấp Hợp đồng dân sự về Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 21/3/2016 cho đến khi Tòa án xét xử xong đối với ông B. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự và việc rút đơn khởi kiện này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà C, yêu cầu ông B trả số tiền 25.000.000 đồng. Chứng cứ bà C khởi kiện là biên nhận nợ ngày 21/3/2016 và xác định biên nhận trên do bà viết và ông B ký tên “B” ở phần cuối biên nhận. Phía ông B không thừa nhận việc vay tiền theo bà C trình bày và không thừa nhận chữ ký, chữ viết tên “B” của ông trong biên nhận nợ. Ông B cũng không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết tên “B” của ông trong biên nhận nợ và xác định không cung cấp tài liệu, chứng cứ có chữ viết, chữ ký tên “B” từ năm 2016 đến nay để làm tài liệu giám định. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, khi đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình thì phải giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Trong vụ án này, ông B không thừa nhận việc có vay tiền của bà C, ông không thừa nhận chữ ký, chữ viết tên “B” của ông ở phần cuối biên nhận do bà C cung cấp, nên nghĩa vụ chứng minh là của ông B. Nhưng ông B không cung cấp được chứng cứ, để chứng minh việc ông không vay số tiền 25.000.000 đồng của bà C, cũng như ông không có cơ sở chứng minh chữ ký, chữ viết tên “B” ở cuối biên nhận nợ do bà C cung cấp không phải là chữ viết, chữ ký của ông. Trong khi đó, tại biên bản ghi lời khai của Tòa án ngày 25/5/2021, ông B xác định chữ ký tên trong biên nhận nợ ngày 21/3/2016 do bà C cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ký tên của ông và do ông ký tên. Như vậy, có căn cứ xác định giữa bà C và ông B đã xác lập Hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đây là hợp đồng hợp pháp nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà C khởi kiện yêu cầu ông B trả số tiền này là có cơ sở.

Đối với bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02998QSĐĐ/cB ngày 29/12/1999, diện tích 380m² do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Trần Văn B, bà C xác định ông B đưa bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà để làm tin, bà không quản lý, sử dụng phần diện tích đất 380m². Phía ông B thì cho rằng ông không đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C mà do con ông là Trần Văn Được lấy của ông đưa cho bà C, nhưng ông B không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh trong khi con ông là Trần Văn Được không thừa nhận, Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét lời trình bày của ông. Quá trình làm việc và tại phiên Tòa hôm nay, bà C xác định chỉ giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02998QSĐĐ/cB ngày 29/12/1999, diện tích 380m² do Ủy

ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông B để làm tin, nhưng biên nhận ngày 21/3/2016 thể hiện nội dung thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 380m² và bà C xác định sử dụng chứng cứ này để khởi kiện, nên có cơ sở xác định các bên đã xác lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 21/3/2016 trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Tại phiên Tòa hôm nay, bà C yêu cầu khi nào ông B trả tiền cho bà, bà sẽ trả cho ông B Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, như vậy ý chí của bà C yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà với ông Trần Văn B. Tuy nhiên, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất không được lập thành văn bản theo quy định tại Điều 502 Bộ luật dân sự 2015, không được công chứng, chứng thực và không đăng ký theo quy định tại Điều 167, Điều 188 Luật đất đai năm 2013. Vì vậy, căn cứ Điều 122 Bộ luật dân sự 2015 xác định giao dịch dân sự này vô hiệu, xét không chấp nhận yêu cầu này của bà C. Do Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất vô hiệu, nên buộc bà C phải giao trả cho B 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02998QSDĐ/cB ngày 29/12/1999, diện tích 380m² do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Trần Văn B là phù hợp với Điều 131 Bộ luật dân sự 2015.

[5] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trần Văn Được không có yêu cầu gì trong vụ tranh chấp này, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Từ những cơ sở phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C, buộc ông Trần Văn B có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền vay 25.000.000 đồng. Bà C có nghĩa vụ trả lại cho ông B 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02998QSDĐ/cB ngày 29/12/1999, diện tích 380m² do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Trần Văn B.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Trần Văn B phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà C nên phải chịu án phí. Tuy nhiên, ông B là người cao tuổi, tuy ông không có đơn xin miễn, giảm án phí, nhưng đảm bảo nguyên tắc có lợi cho đương sự, Hội đồng xét xử xét chấp nhận miễn án phí cho ông Trần Văn B là phù hợp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Vũ Thị C phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 122, Điều 131, Điều 463, Điều 466, Điều 502 Bộ luật dân sự 2015;
- Các Điều 167, Điều 188 Luật đất đai 2013;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C đối với ông Trần Văn B.

Buộc ông Trần Văn B phải có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị C số tiền vay 25.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C về việc yêu cầu duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà Vũ Thị C với ông Trần Văn B.

Tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 21/3/2016 giữa bà Vũ Thị C với ông Trần Văn B vô hiệu.

Buộc bà Vũ Thị C giao trả cho ông Trần Văn B 01 (Một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02998QSDĐ/cB ngày 29/12/1999, diện tích 380m² do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Trần Văn B.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C đối với yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 21/3/2016 cho đến khi Tòa án xét xử xong.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn B được miễn.

Bà Vũ Thị C phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã tạm nộp 625.000 đồng theo biên lai thu số 0002222 ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Hoàn lại cho Vũ Thị C tiền tạm ứng án phí 325.000 đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0002222 ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- C cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

